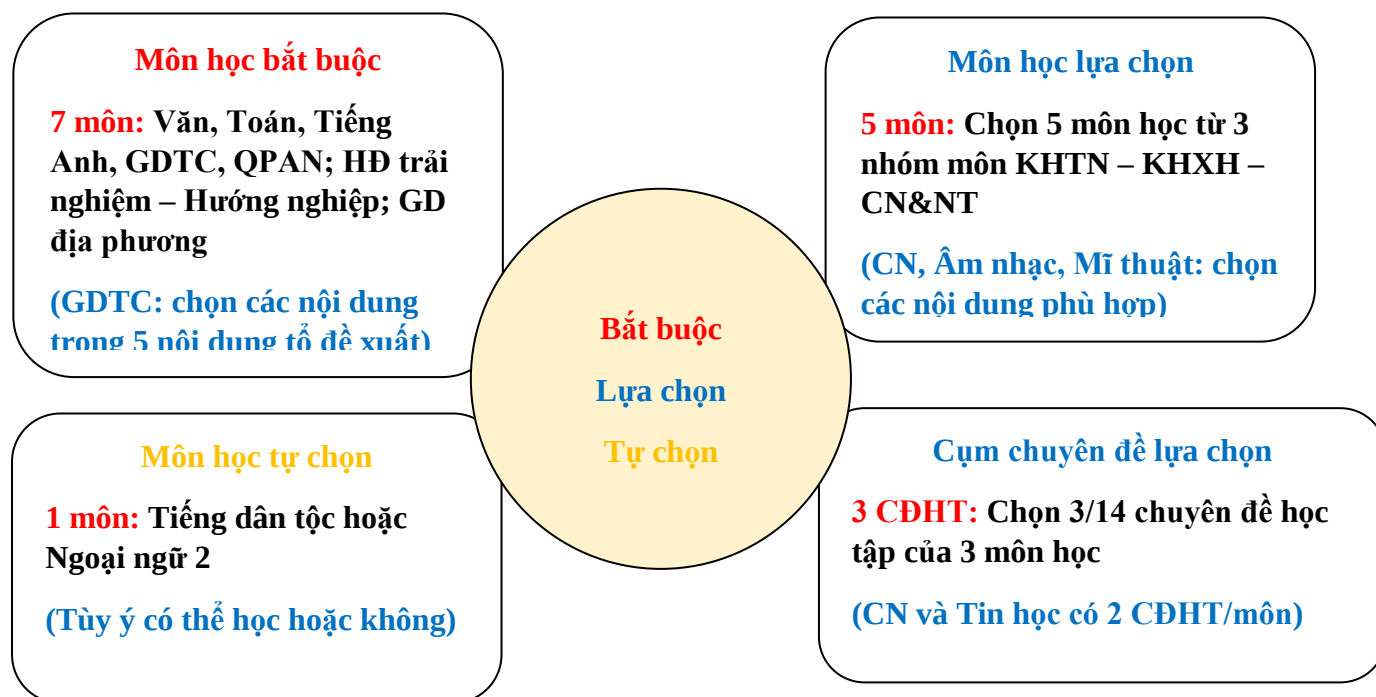


CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC 2018

ÁP DỤNG CHO HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2022 - 2023

Tổng 12 môn: 7 môn bắt buộc (BB); 5 môn lựa chọn cùng 3 chuyên đề (CDHT)



1.1 Môn học bắt buộc

Stt	Môn học/ HĐGD	Thời lượng
1	Môn Ngữ văn + CDHT	105 + 35
2	Môn Toán + CDHT	105 + 35
3	Môn Tiếng Anh	105
4	Giáo dục Thể Chất	70
5	Quốc phòng An ninh	35
6	Hoạt động trải nghiệm và Hướng nghiệp	105
7	Giáo dục địa phương	35

1.2 Môn học lựa chọn

Nhóm	Môn học/ HĐGD	Thời lượng
Khoa học xã hội	Môn Lịch sử + CDHT	70 + 35
	Môn Địa lí + CDHT	70 + 35
	Môn Giáo dục kinh tế và pháp luật + CDHT	70 + 35
Khoa học tự nhiên	Vật lí + CDHT	70 + 35
	Hóa học + CDHT	70 + 35
	Sinh học + CDHT	70 + 35
Công nghệ và nghệ thuật	Công nghệ + CDHT (lựa chọn theo 1/2 định hướng bên)	70 + 35
	Tin học + CDHT (lựa chọn theo 1/2 định hướng bên)	70 + 35
	Âm nhạc + CDHT (lựa chọn theo 4/10 nội dung)	70 + 35
	Mĩ thuật + CDHT	70 + 35

1.3 Cụm chuyên đề học tập lựa chọn

+ Cụm chuyên đề học tập không đánh giá như một môn học; không kiểm tra đánh giá định kì. Học hết chuyên đề học sinh chỉ tiến hành đánh giá một (01) lần lấy điểm đánh giá thường xuyên cho môn học ([Thông tư 22/2021/TT-BGDĐT – Khoản 3, Điều 6 - ĐGTX](#))

→ Như vậy chỉ chọn 3 trong 7 môn học có chuyên đề và được lựa chọn học (2 bắt buộc + 5 lựa chọn)

→ Học sinh chỉ học 3 CDHT là hoàn tất cụm chuyên đề; thời lượng 35 tiết/CDHT

Stt	Môn học
1	Ngữ văn (môn bắt buộc)
2	Lịch sử
3	Địa lí
4	Giáo dục KT và PL
5	Âm nhạc
6	Mĩ Thuật

Stt	Môn học
7	Toán (môn bắt buộc)
8	Vật lí
9	Hóa học
10	Sinh học
11	Công nghệ
12	Tin học

1.4 Môn học tự chọn

+ Học sinh có thể chọn học 1 trong 2 môn học. **Nhưng không bắt buộc**

Stt	Môn học	Thời lượng tiết
1	Tiếng dân tộc thiểu số (Thái, H'Mông; Khmer, Chăm, Nùng...)	105
2	Ngoại ngữ 2 (Pháp, Đức, Nhật, Hàn, Trung..)	105

+ Học sinh có thể không chọn học nếu không có nhu cầu học tập các nội dung này

VÍ DỤ TỔ HỢP MÔN HỌC VÀ CHUYÊN ĐỀ

❖ Định hướng KHTN, Công nghệ (3 – 1 – 1)

Môn bắt buộc	Môn lựa chọn	CĐ học tập	Ghi chú
Văn; Toán; NN; GDTC; GDQPAN; HĐTN-HN; GDĐP	Lí – Hoá – Sinh – Sử – Tin (CN)	Chọn 3 CĐ của những môn sẽ học có CĐ (Toán và 2 CĐ khác)	GDTC chọn 1/4 SGK
	Lí – Hoá – Sinh – Địa – Tin (CN)		
	Lí – Hoá – Sinh – GDKTPL – Tin (CN)		

❖ Định hướng KHXH (3 – 1 – 1)

Môn bắt buộc	Môn lựa chọn	CĐ học tập	Ghi chú
Văn; Toán; NN; GDTC; GDQPAN; HĐTN-HN; GDĐP	Lí – Sử – Địa – GDKTPL – Tin	Chọn 3 CĐ của những môn sẽ học có CĐ (Văn và 2 CĐ khác)	GDTC chọn 1/4 SGK
	Hoá – Sử – Địa – GDKTPL – Tin		
	Sinh – Sử – Địa – GDKTPL – Tin		

❖ Định hướng năng khiếu (2 – 2 – 1)

Môn bắt buộc	Môn lựa chọn	Chuyên đề học tập	Ghi chú
Văn; Toán; NN; GDTC; GDQPAN; HĐTN- HN; GDĐP	Lí – Sử – Địa – MT – AN	Chọn 3 CĐ của những môn sẽ học có CĐ	Sử hoặc Địa có thể thay bằng GDKTPL
	Hoá – Sử – Địa – MT – AN		
	Sinh – Sử – Địa – MT – AN		

Lưu ý:

Có rất nhiều phương án xây dựng tổ hợp môn học theo hoán vị (3, 1, 1) hoặc (2, 2, 1). Ở trên chỉ là một vài phương án ví dụ.